

Số: /BC-UBND

Cát Vân ngày tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

V/v thống kê dữ liệu ngành chăn nuôi và số liệu về cây trồng, vật nuôi, thủy sản phục vụ xây dựng Đề án “sưu tầm, bảo tồn và phát triển nguồn gen một số cây trồng, vật nuôi, thủy sản có giá trị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030”

Thực hiện Công văn số 1085/UBND-NN&PTNT ngày 10 tháng 6 năm 2022 của UBND huyện Như Xuân về việc thống kê dữ liệu ngành chăn nuôi và số liệu về cây trồng, vật nuôi, thủy sản phục vụ xây dựng Đề án “sưu tầm, bảo tồn và phát triển nguồn gen một số cây trồng, vật nuôi, thủy sản có giá trị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030”

Ủy ban nhân dân xã Cát Vân thống kê số liệu thực trạng một số nội dung sau:

1. Thống kê số liệu chăn nuôi, thực trạng và tình hình áp dụng các biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi trên địa bàn xã có kèm theo phụ lục I và Phụ lục II.

2. Tổng hợp các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có nguồn gốc bản địa đang được nuôi, trồng trên địa bàn xã kèm theo Phụ lục III.

Vậy UBND xã Cát Vân báo cáo UBND huyện qua phòng NN&PTNT thống kê dữ liệu ngành chăn nuôi và số liệu về cây trồng, vật nuôi, thủy sản phục vụ xây dựng Đề án với các nội dung trên./.

Nơi nhận

- Phòng NN&PTNT(B/c);
- Chủ tịch, PCT kinh tế;
- Lưu: VT, UBND.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Cường

PHỤ LỤC I: THỐNG KÊ CHĂN NUÔI TRÊN ĐỊA BÀN QUẢN LÝ

(Kèm theo công văn số 1085/UBND-NN&PTNT ngày 10/6/2022 của UBND huyện Như Xuân)

1. Trang trại, nông hộ chăn nuôi

TT	Chỉ tiêu	Số cơ sở	Số lượng vật nuôi	Ghi chú
I	Trang trại chăn nuôi			
1	Trang trại chăn nuôi quy mô lớn	Không		
	Chăn nuôi lợn			
	Chăn nuôi gia cầm			
	Chăn nuôi trâu			
	Chăn nuôi bò thịt			
	Chăn nuôi bò sữa			
	Chăn nuôi ngựa, dê, cừu, thỏ, hươu			
2	Trang trại chăn nuôi quy mô vừa	Không		
	Chăn nuôi lợn			
	Chăn nuôi gia cầm			
	Chăn nuôi trâu			
	Chăn nuôi bò thịt			
	Chăn nuôi bò sữa			
	Chăn nuôi ngựa, dê, cừu, thỏ, hươu			
	Trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ			
	Chăn nuôi lợn			
	Chăn nuôi gia cầm			
	Chăn nuôi trâu			
	Chăn nuôi bò thịt			
	Chăn nuôi bò sữa			
	Chăn nuôi ngựa, dê, cừu, thỏ, hươu			
II	Nông hộ chăn nuôi			
	Chăn nuôi lợn	119	744	
	Chăn nuôi gia cầm	528	15.475	
	Chăn nuôi trâu	99	223	
	Chăn nuôi bò thịt	22	54	
	Chăn nuôi bò sữa			
	Chăn nuôi ngựa, dê, cừu, thỏ, hươu			
	Chăn nuôi đông, dế, giun quế, bò cạp, rồng đất			

- Ghi rõ số lượng vật nuôi đối với từng loại vật nuôi

2. Thông tin trang trại chăn nuôi

TT	Tên trại chăn nuôi	Loại hình sở hữu	Địa chỉ, số ĐT liên hệ	Quy mô chăn nuôi (quy mô lớn/vừa/nhỏ)	Mục đích nuôi	Ghi chú
I	Trang trại chăn nuôi lợn	Không				
1						
2						
II	Các trang trại chăn nuôi bò thịt, bò sữa	Không				
1						
2						
III	Các trang trại chăn nuôi trâu	Không				
1						
2						
IV	Các trang trại chăn nuôi dê, cừu, ngựa, thỏ	Không				
1						
2						
V	Các trang trại chăn nuôi gà	Không				
1						
2						
VI	Các trang trại chăn nuôi vịt, ngan, ngỗng, chim cú, bồ câu, đà điểu	Không				
1						
2						

PHỤ LỤC II: BIỆN PHÁP XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG TRONG CHĂN NUÔI

(Kèm theo công văn số 1085/UBND-NN&PTNT ngày 10/6/2022 của UBND huyện Như Xuân)

2.1. Chăn nuôi nông hộ

TT	Nội dung	Trâu	Bò	Lợn	Gia cầm	Chăn nuôi khác	Ghi chú
1	Số hộ chăn nuôi làm đệm lót sinh học						Không
	- Số hộ						
	- Diện tích m ²						
2	Số hộ chăn nuôi xây dựng công trình khí sinh học (biogas)			26			
3	Số hộ chăn nuôi ủ/bán/cho phân gia súc, gia cầm						Không
4	Số hộ chăn nuôi xử lý chất thải chăn nuôi bằng chế phẩm sinh học	10	2	15	7	6	
5	Số hộ chăn nuôi đã xử lý chất thải chăn nuôi bằng công nghệ khác	23	15	32	16	41	

2.2. Chăn nuôi trang trại

TT	Nội dung	Tổng số	Trâu	Bò	Lợn	Gia cầm	Chăn nuôi khác	Ghi chú
1	Số cơ sở chăn nuôi làm đệm lót sinh học	Không						
	- Số cơ sở							
	- Diện tích m ²							
2	Số cơ sở chăn nuôi xây dựng công trình khí sinh học (biogas)	Không						
	- KT1, KT2, composite							
	- Công nghệ HDPE (m ³)							
3	Số cơ sở chăn nuôi ủ/bán/cho phân gia súc, gia cầm	Không						
4	Số cơ sở chăn nuôi xử lý chất thải chăn nuôi bằng chế phẩm sinh học	Không						
5	Số cơ sở chăn nuôi đã xử lý chất thải chăn nuôi bằng công nghệ khác	Không						

PHỤ LỤC III: DANH MỤC CÁC GIỐNG CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI, THỦY SẢN CÓ NGUỒN GỐC BẢN ĐỊA

(Kèm theo công văn số 1085/UBND-NN&PTNT ngày 10/6/2022 của UBND huyện Như Xuân)

TT	Tên giống	Nguồn gốc (du nhập/địa phương)	Khu vực nuôi/trồng (thôn xã)	Diện tích/quy mô đàn nuôi	Ghi chú
I	Giống chủ lực				
1	Cây trồng nông nghiệp	Không			
2	Cây trồng lâm nghiệp	Không			
3	Cây dược liệu	Không			
4	Vật nuôi				
5	Thủy sản	Không			
6	Nấm ăn	Không			
7	Nấm dược liệu	Không			
8	Vi sinh vật	Không			
II	Giống có lợi thế của địa phương				
1	Cây trồng nông nghiệp	Không			
2	Cây trồng lâm nghiệp	Không			
3	Cây dược liệu	Không			
4	Vật nuôi				
5	Thủy sản	Không			
6	Nấm ăn	Không			
7	Nấm dược liệu	Không			
8	Vi sinh vật	Không			
III	Giống đặc sản của địa phương				
1	Cây trồng nông nghiệp	Không			
2	Cây trồng lâm nghiệp	Không			

				
3	Cây dược liệu	Không			
				
4	Vật nuôi				
				
5	Thủy sản	Không			
				
6	Nấm ăn	Không			
				
7	Nấm dược liệu	Không			
				
8	Vi sinh vật	Không			
				